TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC N** **- ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2026/DS-ST
Ngày: 22/7/2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC N - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cường.

2. Ông Nguyễn Bạch Linh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/7/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 187/2026/TLST-DS ngày 11/02/2026 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2026/QĐXXST-DS ngày 27/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2026/QSĐST-DS ngày 15/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 527/2026/QĐST-DS ngày 30/6/2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty T3 (Việt Nam).

Địa chỉ: Số I P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký tài liệu: Ông Trần La Ngọc H1 – Chức vụ: Trưởng phòng Tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lee Yun H: Công ty L; Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Tất T – Chức vụ Giám đốc. (Theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC, ngày 17/4/2025).

Người được ủy quyền lại: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 401, tầng D, Tòa nhà số G, T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/12/2025).

2. *Bị đơn:* Ông Khưu Kim N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Nguyễn Thị Lan A.

Vắng mặt không lý do: Ông Khưu Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 21/10/2024 Công ty T3 (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T3) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 5962656 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Khưu Kim N với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng (giải ngân ngày 22/10/2024), mức lãi suất: 42%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T3 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Khưu Kim N. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Khưu Kim N có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 1.991.447 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15/10/2026.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 17/03/2025 ông Khưu Kim N đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T3 đã giải ngân.

Đến nay, ông Khưu Kim N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T3.

Tính đến ngày 25/5/2026, ông Khưu Kim N đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền là 43.097.673 đồng: nợ gốc 27.011.802 đồng; tiền lãi trong hạn 9.433.372 đồng; tiền lãi quá hạn 6.030.139 đồng; tiền lãi chậm trả 622.360 đồng.

Do đó, Công ty T3 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Khưu Kim N thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T3 với tổng số tiền, tạm tính đến ngày 25/5/2026 là 43.097.673 đồng. Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 26/5/2026 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Khưu Kim N: Vắng mặt tại các phiên làm việc, hòa giải và không có văn bản ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Lan A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai, bản tính lãi tính đến ngày 22/7/2026.

- Ông Khưu Kim N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N- Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông N vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty T3, buộc ông Khưu Kim N có nghĩa vụ trả cho Công ty T3 số tiền

vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/7/2026 là 45.769.381 đồng. Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/7/2026 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản, án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Công ty T3 khởi kiện yêu cầu ông N, địa chỉ cư trú tại: Ấp H, xã P, tỉnh Đồng Tháp (đúng với Công văn số 46/CAX-CSKV ngày 27/02/2026 của Công an xã P) có nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5962656 ngày 21/10/2024, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (viết tắt là Bộ luật TTDS) xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị Nguyễn Thị Lan A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với ông N, Tòa án tiến hành niêm yết tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhưng ông N vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 BLTTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Nghĩa vụ chứng minh:

Công ty T3 khởi kiện yêu cầu ông Khưu Kim N có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay tín dụng còn nợ, có nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh và tham gia làm việc tại Tòa án để bảo vệ các yêu cầu của Công ty T3.

Đối với ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên làm việc, hòa giải, được thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ biết được toàn bộ nội dung vụ án nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản ý kiến là xem như từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

[2.2] Xác lập Hợp đồng tín dụng:

Theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5962656 ngày 21/10/2024 (viết tắt là hợp đồng tín dụng) là hợp đồng điện tử ký theo phương thức chữ ký số. Công ty T3 có cung cấp hồ sơ chữ ký số, gồm: Hợp đồng đối tác cung cấp và sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng FPT-CA số

2020.123/HĐKT/BK6, kèm theo phụ lục 01, 03, 05, 06 (bút lục 32 - 56) và Giấy chứng nhận sử dụng chứng thư số FPT – CA tên thuê bao Khưu Kim N (bút lục 71). Như vậy, Công ty T3 đã cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh việc xác lập hợp đồng vay điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử năm 2005. Về phía ông N không có ý kiến phản đối.

Việc xác lập giao dịch dân sự giữa Công ty T3 và ông Khưu Kim N trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định pháp luật về hình thức hợp đồng điện tử và nội dung, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng theo quy định tại mục 4 Bộ luật dân sự 2015 (viết tắt BLDS), Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (viết tắt Luật CTCTD). Nên được thừa nhận và bảo vệ, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, do đó có giá trị ràng buộc trách nhiệm của các bên tham gia.

[2.3.] Thực hiện Hợp đồng:

Theo hợp đồng tín dụng, Công ty T3 cho ông N vay tiền theo hình thức thanh toán hàng tháng, số tiền vay là 31.980.000 đồng, lãi suất: 42%/năm, thời hạn vay 24 tháng. Ngày 22/10/2024, Công ty T3 đã giải ngân khoản vay vào tài khoản của H2 kinh doanh My Táo S, tài khoản của ông Trần Văn T1, số tài khoản 7005205179966 tại Ngân hàng N1, theo Phiếu báo nợ (bút lục số 64) đúng với tài khoản bên bán hàng hóa/dịch vụ theo quy định tại mục 7.4 Điều 7 Phần B, Điều 7 Phần A Hợp đồng tín dụng và Thỏa thuận hợp tác kinh doanh số 597/2022/TTHT/MAFC-MYTAO ngày 14/4/2022. Như vậy, Công ty T3 đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay.

Đối với nghĩa vụ của ông N: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng: Ông N có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 24 tháng, mỗi tháng ông N phải thanh toán cho Công ty T3 số tiền là 1.991.447 đồng. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, ông N chỉ thanh toán được 05 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 10.027.000 đồng theo báo cáo lịch sử thanh toán (bút lục 70). Kể từ ngày 17/3/2025, ông N đã không thanh toán theo nghĩa vụ theo ợp đồng. Ông N cũng không có không có ý kiến phản đối đối với các nội dung này. Như vậy, ông N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Điều 3, Điều 8 Phần B hợp đồng tín dụng nên Công ty Asset dụng chấm dứt hợp đồng vay trước hạn và thu hồi nợ theo Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay và Luật tổ chức tín dụng năm 2024.

[2.4.] Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng vay trước thời hạn:

Theo đó, mục 8.3 Điều 8 Phần B Hợp đồng tín dụng quy định về trả nợ trễ hạn và Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay thì ngoài nợ gốc, ông N còn phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật tổ chức tín dụng năm 2024. Do đó, Công ty T3 khởi kiện yêu cầu ông Khưu Kim N có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ và tiền lãi, tạm tính đến ngày 22/7/2026 là 45.769.381 đồng, gồm: Nợ gốc 27.011.802 đồng; Lãi trong hạn 9.977.057 đồng; Lãi quá hạn 8.004.705 đồng; Lãi chậm trả 775.817 đồng (kèm theo Bảng tính lãi ngày 17/7/2026) là có căn cứ nên chấp nhận.

Công ty T3 yêu cầu buộc ông N thanh toán cho Công ty T3 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 23/7/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, với mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 nên chấp nhận yêu cầu này.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Công ty T3 không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, được nhận lại 921.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002397 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông Khưu Kim N phải chịu 2.288.470 đồng, làm tròn là 2.288.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (là 5% x 45.769.381 đồng phải thanh toán cho Công ty T3) theo quy định tại ăn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 463 .

Căn cứ Điều 91, 95, 100 và Điều 108 của 24.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T3 (Việt Nam) đối với ông Khưu Kim N.

1.1. Buộc ông Khưu Kim N thanh toán Công ty T3 (Việt Nam) số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/7/2026 là 45.769.381 đồng đồng, gồm: Nợ gốc 27.011.802 đồng; T2 lãi trong hạn 9.977.057 đồng; T2 lãi quá hạn 8.004.705 đồng; Tiền lãi chậm trả 775.817 đồng.

1.2. Buộc ông Khưu Kim N tiếp tục thanh toán cho Công ty T3 (Việt Nam) tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 23/7/2026 đến khi thanh toán xong nghĩa vụ

với mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5962656 ngày 21/10/2024.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty T3 (Việt Nam) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 921.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002397 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ông Khưu Kim N phải chịu 2.288.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty T3 (Việt Nam), ông Khưu Kim N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực N- Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV7 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyến